

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 7- 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Trần Thị Diễm Châu;**
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Sậm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 20/10/1995. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số F, khu phố G, phường T, quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh ngày 19/6/1989. Vắng mặt lần 2.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Võ Văn H do tự quen biết cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ vào ngày 04/12/2020. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn và điều kiện sống không phù hợp, vợ chồng đi làm

xa không thường xuyên gặp nhau nên tình cảm dần phai nhạt, bà đã nhiều lần cho cả hai cơ hội tìm cách để hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung, con riêng và tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn H trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **H** nhiều lần tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông **H** đều vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà **T** được ly hôn với ông **H**. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Minh **T** yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn **H** nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông **H** có nơi cư trú tại ấp **T**, xã **T**, huyện **V**, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông **H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông **H** là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **H** là có cơ sở.

[3] Về hôn nhân: Bà **T** và ông **H** có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của bà **T**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của đương sự thì cuộc sống hôn nhân của bà và ông **H** không được hạnh phúc vì đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu dẫn đến ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn và điều kiện sống không phù hợp, vợ chồng đi làm xa không thường xuyên gặp nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Mặc dù, cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn ngày càng kéo dài nhưng lại không có biện pháp hàn gắn. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà **T** và ông **H** đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, con riêng và tài sản chung, riêng, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T đối với bị đơn ông Võ Văn H.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Võ Văn H.

2. Về con chung, con riêng: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006662 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà Nguyễn Thị Minh T đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ánh Đào

